TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 660/2019/HS-PT
Ngày: 24/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 555/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L và người bị hại Nguyễn Thị Ngọc H, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thành L, sinh ngày 09/8/1976 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT: Số 590/01 Trương Công Đ, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cú trú: Số 16/4B X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Bá C và bà Đặng Thị Thanh T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hương L (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2001; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 05/3/2018 bị Công an thành phố V xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Tạ Anh T1, Luật sư Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt;

** Người bị hại có kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973, có mặt;

Trú tại: Số 23/44 Trần Nguyên H, quận L, thành phố Hải Phòng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà: Ông Nguyễn Mạnh H1, Luật sư của Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

** Bị đơn dân sự:* Công ty Thoát nước và Vệ sinh

Địa chỉ: Số 06/147 Kiều H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt.

** Ngoài ra còn có một số người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập gồm:* Bà Hoàng Thị H2; ông Lương Hữu N, bà Nguyễn Thị Bích N1; ông Nguyễn Kiên C1; ông Nguyễn Bá C2; ông Đỗ Quang T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Thoát nước và Vệ sinh (viết tắt là công ty Thoát nước và Vệ sinh), có trụ sở chính ở số 5, lô N04 - 81 Thiên L, khu nhà ở Thương mại H, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, do ông Nguyễn Bá C làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngành nghề kinh doanh chính là thoát nước và xử lý nước thải; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất... Từ năm 2008 đến năm 2011, Nguyễn Cao T3 (con trai thứ hai của ông C) làm Giám đốc công ty. Từ tháng 07 năm 2011 đến cuối năm 2014, Nguyễn Thành L (con trai út của ông C) làm Giám đốc công ty. Từ cuối năm 2014 đến nay, ông C làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty.

Ngày 17/12/2008, Công ty Thoát nước và Vệ sinh được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đầu tư, cho đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại tại số 27 (nay là số 81) đường Thiên L, phường N, quận Lê C, thành phố Hải Phòng. Theo quy định, công ty Thoát nước và Vệ sinh không được phép bán nền đất chưa xây dựng, công ty phải đầu tư xây dựng phần móng và xây thô 85 căn hộ nhà ở theo đúng mẫu thiết kế đã được phê duyệt mới được bán ra thị trường. Công ty Thoát nước và Vệ sinh yêu cầu khách hàng mua nhà ở ký Hợp đồng góp vốn và nộp tiền góp vốn từ 75% đến 95% giá trị lô đất, sau khi cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án, công ty Thoát nước và vệ sinh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người góp vốn để hộ dân tự xây dựng nhà theo mẫu thiết kế đã được phê duyệt. Khi xây dựng nhà xong hộ dân phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ vật liệu xây dựng cho công ty, sau đó công ty

xuất hóa đơn và làm thủ tục tách, cấp và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ dân góp vốn.

Ngày 08/10/2009, công ty Thoát nước và Vệ sinh đại diện là ông Nguyễn Cao T3 ký hợp đồng góp vốn số 09/01/09/HĐ-HP với ông Nguyễn Bá C2 (anh trai L) với nội dung: Ông C2 đồng ý góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 là 525.000.000 đồng. Sau khi cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 1, công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Cường phần diện tích đất để xây dựng nhà ở trên lô đất số 17 lô N0-05 khu nhà ở thương mại số 27 Thiên L. Ngày 04/3/2010, ông C2 nộp đủ 95% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 498.750.000 đồng vào công ty (có phiếu thu), số tiền còn lại 5% giá trị hợp đồng là 26.250.000 đồng, ông C2 sẽ thanh toán nốt khi nhận được đầy đủ hồ sơ để đăng ký quyền sử dụng đất với các cơ quan chức năng. Công ty đã bàn giao mặt bằng đất cho ông C2 và ông C2 bỏ tiền cá nhân ra để xây dựng nhà ở tại lô đất số 17 lô N0-05 theo đúng mẫu thiết kế được phê duyệt, gia đình ông C2 đã sinh sống tại căn nhà số 17 lô N0-05 từ đầu năm 2011 cho đến nay.

Tháng 4 năm 2010, Nguyễn Thành L thời điểm này là Phó Giám đốc công ty Thoát nước và vệ sinh ký Hợp đồng mua bán toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô đất số 09 lô N0-04 khu nhà ở thương mại 27 Thiên L cho ông Đỗ Quang T2, với giá 1.242.000.000 đồng, thanh toán đợt 1 là 630.000.000 đồng, đợt 2 là 612.000.000 đồng. Thực tế L thỏa thuận chuyển nhượng lô đất số 09 lô N0-04 cho ông T2 với giá 1.705.000.000 đồng, ông T2 đã thanh toán 1.673.500.000 đồng, còn 31.500.000 đồng ông T2 thỏa thuận thanh toán nốt khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Ngày 18/7/2010, L đã nộp quỹ công ty 630.000.000 đồng tiền góp vốn của ông Đỗ Quang T2 và đề nghị Nguyễn Cao T3 - Giám đốc công ty ký Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng nhà trên lô đất số 09 lô N0-04. Ông T3 đã ký và đóng dấu Hợp đồng góp vốn số 02/07/10/HĐ-HP đề ngày 18/7/2010 giao cho L để chuyển cho ông T2 ký. Ông T2 đã nhận bàn giao và quản lý thửa đất trên từ năm 2010.

Mặc dù 02 thửa đất trên đã được Công ty Thoát nước và Vệ sinh ký hợp đồng góp vốn với ông Nguyễn Bá C2 và ông Đỗ Quang T2 nhưng quá trình làm giám đốc công ty Thoát nước và Vệ sinh, Nguyễn Thành L đã tiếp tục ký các hợp đồng bán nhà, hợp đồng góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng 02 lô đất nêu trên cho nhiều người khác chiếm đoạt tiền. Cụ thể như sau:

1. Hành vi ký hợp đồng công chứng mua bán nhà trên lô đất số 17 lô N0-05 chiếm đoạt 1.100.000.000 đồng của bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1980, trú tại số nhà 308 tổ 6 Lũng Đ, Đằng H, Hải A, Hải Phòng.

Do cần tiền chi tiêu, từ giữa năm 2011, Nguyễn Thành L đã nhiều lần vay của bà Hoàng Thị H2 với tổng số tiền 400.000.000 đồng. Sau đó L tiếp tục hỏi vay bà H2 100.000.000 đồng. Bà H2 yêu cầu phải có tài sản để thế chấp đảm bảo khoản vay 400.000.000 đồng trước đó thì mới cho L vay thêm tiền. Ngày 23/12/2011, L đã dùng danh nghĩa công ty Thoát nước và vệ sinh ký hợp đồng

bán căn nhà số 17 lô N0-05 tại khu nhà ở số 27 Thiên L cho bà H2 với giá 700.000.000 đồng (căn nhà này L biết rõ đã được công ty bán cho ông Nguyễn Bá C2). Để công chứng được Hợp đồng mua bán với bà H2, lợi dụng sơ hở của Hội đồng quản trị, L tự soạn thảo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 86 đề ngày 28/12/2011 với nội dung các cổ đông đã họp và thống nhất giao lô đất 17 lô N0-05 cho L được toàn quyền sử dụng, mua bán, trao đổi, rồi xin chữ ký của ông Nguyễn Bá C - Chủ tịch HĐQT ký cùng nhiều giấy tờ khác và các cổ đông công ty là bà Đặng Thị Thanh T (mẹ L) và chị Nguyễn Thị Hương L1 (vợ L), L tự đóng dấu công ty, dấu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị mà không nói rõ nội dung biên bản. Sau khi ký và công chứng hợp đồng tại Văn phòng công chứng Trung tâm do công chứng viên Nguyễn Thành L2 thực hiện, cùng ngày 28/12/2011, L nhận của bà H2 100.000.000 đồng, khi nhận tiền L viết giấy với nội dung "*có nhận vay thêm 100.000.000 đồng*" và xác nhận "*Tổng L lấy 500.000.000 đồng từ ngày 28/12/2011*". Ngày 17/02/2012, L tiếp tục viết giấy vay tiền bà H2 600.000.000 đồng, hẹn sau hai tháng sẽ trả hết tiền cho bà H2. Số tiền này L khai là số tiền gốc 500.000.000 đồng L đã vay trước đó, cộng với số tiền lãi trong hai tháng là khoảng 60.000.000 đồng và bà H2 đưa thêm cho L khoảng 40.000.000 đồng. Như vậy, L chỉ nhận của bà H2 tổng số tiền 600.000.000 đồng. Đến nay L chưa trả tiền cho bà H2.

2. Hành vi ký Hợp đồng góp vốn để chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất số 09 lô N0-04 chiếm đoạt 800.000.000 đồng của vợ chồng ông Lương Hữu N, sinh năm 1962, trú tại số 1 lô 8A đường L, quận N, thành phố Hải Phòng

Do cần tiền chi tiêu, từ cuối năm 2011 Nguyễn Thành L đã vay của ông Lương Hữu N 800.000.000 đồng. Ông N nhiều lần đòi tiền L và yêu cầu L phải có tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay này. Ngày 19/03/2012, Nguyễn Thành L đã đại diện công ty Thoát nước và Vệ sinh ký Hợp đồng góp vốn với vợ chồng ông Lương Hữu N và bà Nguyễn Thị Ngọc B, nội dung: vợ chồng ông N đồng ý góp vốn 1.080.000.000 đồng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thương mại số 27 Thiên L và sẽ được nhận chuyển nhượng lô đất số 09 lô N0-04. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông N đã góp 800.000.000 đồng, sau 4 tháng sẽ góp tiếp 280.000.000 đồng. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, do Công chứng viên Phạm Tiến H3 thực hiện. Trước khi ký hợp đồng góp vốn, L nói lô đất số 09 lô N0-04 thuộc dự án xây dựng nhà ở thương mại của công ty Thoát nước và Vệ sinh do L làm Giám đốc, lô đất chưa được chuyển nhượng cho ai, L được quyền giao dịch mua bán. Sau đó, ông N nhiều lần yêu cầu L hoàn trả lại tiền đã vay, đến ngày 22/9/2013 L đã trả 310.000.000 đồng cho ông N, còn lại 490.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho ông N.

3. Hành vi ký Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà để chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất 09 lô N0-04 chiếm đoạt 400.000.000 đồng của ông Nguyễn Kiên C1, sinh năm 1976, trú tại số 96C Nguyễn Đức C, Lê C, Hải Phòng.

Đầu năm 2012, Nguyễn Thành L vay của ông Nguyễn Kiên C1 400.000.000 đồng. Do ông C1 đòi tiền nhiều lần và không có tiền trả, L hẹn ông C1 đến trụ sở công ty thoát nước ở Khu nhà ở thương mại số 27 Thiên L ký Hợp đồng góp vốn để đảm bảo khoản vay nêu trên. Ngày 16/5/2012, L với tư cách giám đốc công ty Thoát nước và vệ sinh đã ký hợp đồng góp vốn với nội dung khi ông C1 góp được số tiền 2.250.000.000 đồng và công ty Thoát nước và vệ sinh hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 1 dự án Khu nhà ở thương mại số 27 Thiên L thì công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất số 09 lô N0-04 cho ông C1. Trước khi ký hợp đồng, L nói lô đất trên chưa được chuyển nhượng cho ai, với cương vị làm Giám đốc công ty L được quyền giao dịch, ký kết hợp đồng mua bán nhà đất của dự án cho các hộ dân. Đến nay L vẫn chưa trả tiền cho ông C1.

4. Hành vi ký hợp đồng góp vốn để chuyển nhượng lô đất số 09 lô N0-04 chiếm đoạt 1.700.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1973, trú tại số 23/44 Trần Nguyên H, Lê C, Hải Phòng

Sau khi ký hợp đồng góp vốn để chuyển nhượng lô đất số 09 lô N0-04 nêu trên cho ông Đỗ Quang T2, ông Lương Hữu N, ông Nguyễn Kiên C1, ngày 20/7/2012, Nguyễn Thành L đại diện công ty Thoát nước và vệ sinh ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất làm tài sản đảm bảo để Công ty TNHH G, Hải Phòng vay 20.000.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - chi nhánh Hải Phòng. Tài sản thế chấp gồm: 19 lô đất thuộc dự án Nhà ở thương mại số 27 Thiên L (trong đó có lô đất số 09 lô N0-04). Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trung tâm do Công chứng viên Nguyễn Trịnh N2 thực hiện.

Tháng 06 năm 2013, Nguyễn Thành L tiếp tục thỏa thuận với ông Đỗ Quang T2 để ông T2 chuyển nhượng lại lô đất số 09 lô N0-04 cho L với giá 1.935.000.000 đồng. L đưa cho ông T2 50.000.000 đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 30/7/2013, L viết cam kết nếu không trả hết số tiền còn lại cho ông T2 ngày 21/8/2013, thì thửa đất trên vẫn thuộc quyền sở hữu của ông T2. Sau 03 tháng, L chỉ trả được cho ông T2 450.000.000 đồng, còn nợ lại 1.485.000.000 đồng.

Cùng thời gian tháng 06 năm 2013, bà Nguyễn Thị Ngọc H đến văn phòng của công ty Thoát nước và vệ sinh để hỏi mua đất và gặp Nguyễn Thành L. L giới thiệu công ty còn lô đất số 09 lô N0-04 chưa bán cho ai. Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã tin tưởng và đồng ý mua lô đất số 09 lô N0-04 với giá 1.700.000.000 đồng. Ngày 28/06/2013, Nguyễn Thành L - đại diện công ty Thoát nước và vệ sinh ký Hợp đồng góp vốn số 09N04/HĐ-HP với bà Nguyễn Thị Ngọc H, nội dung: Bà H đồng ý góp vốn giai đoạn 1 là: 630.000.000 đồng. Đổi lại, sau khi cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 1, công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H phần diện tích đất để xây dựng nhà ở tại lô đất số 09 lô N0-04. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát do Công chứng viên Nguyễn Quốc H4 thực hiện. Thực tế L đã nhận của bà Nguyễn Thị Ngọc H số

tiền 1.700.000.000 đồng, số tiền này L không nộp công ty mà dùng để trả ông T2 450.000.000đ, còn lại chi tiêu cá nhân hết.

Để ông Thụy không đòi tiền, L nói dối là căn nhà 17 lô N0-05 chưa có người mua và thỏa thuận bán cho ông T2 với giá 2.950.000.000 đồng để trừ nợ. Ngày 16/09/2014, qua sự hướng dẫn của L, ông T2 cùng vợ là bà Trần Thị P đến Văn phòng công chứng Trung tâm để công chứng Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số 17 lô N0-05. Khi làm xong thủ tục công chứng, L đã đơn phương yêu cầu Văn phòng công chứng Trung tâm Hải Phòng hủy hợp đồng đã công chứng nêu trên. Công chứng hợp đồng và đơn phương hủy hợp đồng ngày 12/11/2014 đều do Công chứng viên Nguyễn Trịnh N2 thực hiện.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thành L trên các tài liệu gốc do bà Hoàng Thị H2, ông Đỗ Quang T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H cung cấp. Tại Kết luận giám định số 44/KLGĐ ngày 22/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký tại Giấy cam kết ghi ngày 30/7/2013 không đủ cơ sở để đánh giá, kết luận. Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định còn lại với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thành L trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ viết, chữ ký của cùng một người.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 16 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 28 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2018.

Về bồi thường dân sự: Buộc Công ty Cổ phần thoát nước và vệ sinh phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.700.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án còn buộc trách nhiệm bồi thường dân sự đối với những người bị hại khác, trách nhiệm hoàn lại tiền bồi thường dân sự của bị cáo L đối với Công ty, tuyên buộc lãi suất chậm thi hành án, trách nhiệm chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử, ngày 12/6/2019 bị cáo Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 21/6/2019 người bị hại Nguyễn Thị Ngọc H có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không giao thửa đất số 09N04 khu nhà ở số 81 Thiên L cho bà là không phù hợp với tình tiết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

- Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện những hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết; đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" cấp sơ thẩm xử đúng bị cáo không có ý kiến gì, nhưng đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thì Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử đối với bị cáo quá nặng, nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hơn nữa, bị cáo có bố là ông Nguyễn Bá C là người có công được tặng thưởng nhiều huân chương, ông nội bị cáo là ông Nguyễn Bá T4 là liệt sỹ nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét để áp dụng cho bị cáo.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Hợp đồng góp vốn giữa bà với Công ty Cổ phần thoát nước và vệ sinh để góp vốn xây dựng căn nhà trên thửa đất số 09N04 là hợp đồng hợp pháp. Bởi vì, bà giao dịch là giao dịch với Công ty không giao dịch với cá nhân bị cáo L, ông Nguyễn Bá C là Chủ tịch Hội đồng quản trị đều thừa nhận, hợp đồng đã được công chứng và sau khi công chứng bà đã nộp tiền đầy đủ cho Công ty, nhân viên Công ty đã viết hóa đơn và phiếu thu; đây là hợp đồng ngay tình, đúng pháp luật. Đối với hợp đồng của ông T2 là trái pháp luật; vì Công ty bán đất cho ông T2 khi chưa được phép bán đất; ông T2 đã thỏa thuận trả lại thửa đất cho Công ty và đã nhận lại số tiền là 450.000.000 đồng. Như vậy, ông T2 không có quyền liên quan đến thửa đất 09N04, nhưng cấp sơ thẩm lại công nhận hợp đồng góp vốn giữa ông T2 với Công ty và giao cho ông T2 quản lý, sử dụng là không đúng quy định pháp luật. Do đó, bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao lô đất số 09 cho bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội của bị cáo; đánh giá các chứng cứ cho rằng, cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành L xuất trình tài liệu thể hiện ông nội bị cáo là liệt sỹ, bố bị cáo là người có công được tặng thưởng huân chương. Nhưng những tình tiết này không đáng kể so với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét kháng cáo của người bị hại thấy: Phía Công ty xác nhận ông T2 là người đầu tiên hợp đồng với Công ty để mua lô đất, mặc dù sau đó bị cáo với ông T2 thỏa thuận bị cáo nhận chuyển nhượng lại lô đất này, nhưng hợp đồng này chưa được thực hiện, nên bị cáo không có quyền chuyển nhượng lô đất này cho bà H. Do đó, hợp đồng giữa bà H với bị cáo không hợp pháp, bị vô hiệu nên không có căn cứ giao lô đất này cho bà H.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L*: Cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là không có căn cứ; bởi:

Đối với bị hại Hoàng Thị H2, Kiểm sát viên cho rằng bị cáo đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 400.000.000 đồng và có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi bị cáo đã cùng anh trai là ông Nguyễn Bá C2 có thực hiện việc trả lại số tiền cho chị Hoàng H2 nhưng chị Hoàng H2 không đồng ý nên không trả lại. Do đó, bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của chị Hoàng H2. Bên cạnh đó, đối với số tiền vay 200.000.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã kết luận bị cáo có hành vi lừa đảo khi giao kết hợp đồng mua bán nhà với chị Hoàng H2. Đây là hợp đồng giả cách nhằm để che đậy quan hệ vay nợ. Bị cáo không có ý thức gian đối từ đầu, bị cáo ký hợp đồng để vay nợ và vẫn phải chịu lãi và tiền nợ gốc. Bị cáo cũng khai có việc vay nợ với lãi suất 9%/tháng, khoản nợ 600.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi. Ngoài ra, một hành vi nhưng bị cáo lại bị truy tố theo 2 tội là bất lợi cho bị cáo và không phù hợp, đồng thời phải làm rõ hành vi cho vay với lãi suất cao của chị Hoàng H2.

Đối với hợp đồng của vợ chồng ông Lương Hữu N: Ông N khai có ký 2 hợp đồng, nhưng hồ sơ chỉ thể hiện có 1 hợp đồng, bản chất của hợp đồng góp vốn giữa ông N và bị cáo cũng là hợp đồng giả cách để che giấu quan hệ vay nợ với lãi suất 2.000 đồng/ngày/1 triệu. Lời khai của bị cáo và bị hại mâu thuẫn nhau về thời gian, địa điểm giao tiền, vấn đề này chưa được đối chất. Bị cáo không có ý định gian dối chiếm đoạt tiền của ông N, việc ký hợp đồng chỉ để làm tin cho vay, ký hợp đồng để bảo đảm khoản vay nên giao dịch này là giao dịch dân sự.

Đối với hợp đồng của Ngọc H: Tại phiên tòa, bị cáo và ông C đều khẳng định đây là quan hệ giao dịch dân sự, hồ sơ thể hiện có quan hệ góp vốn thực sự, chị Ngọc H có trả tiền. Do đó, phải ghi nhận, quan hệ dân sự bình thường, việc giao kết hợp đồng là thể hiện sự tự nguyện của các bên, không gian dối. Bị cáo đã ký hợp đồng góp vốn lô đất 09 Lô No 04 với vợ chồng ông T2 nhưng vẫn ký hợp đồng với chị Ngọc H nhưng việc ký hợp đồng này không có sự gian dối. Hợp đồng ông T2 là Hợp đồng góp vốn, tài sản hình thành trong tương lai, ông T2 đã góp vốn; bị cáo L đã có thỏa thuận mua lại và bị cáo L vẫn đang nợ của ông T2, đây là quan hệ dân sự nên việc bị cáo L bán cho chị Ngọc H có sự đồng ý của ông T2 là không trái quy định. Do đó, không có dấu hiệu lừa dối. Chị Ngọc H cũng biết việc có ông T2 góp vốn vào phần đất này nên không có sự gian dối với chị H.

Đối với việc ký hợp đồng góp vốn với anh Nguyễn Kiên C1 - đây là hợp đồng giả cách để che giấu việc cho vay, bị cáo không bỏ trốn, hiện không chứng minh được bị cáo còn tài sản để trả nợ hay không nên bị cáo không lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Kiên C1.

Đối với việc tách nhóm công chứng viên ra để xử lý sau. Nếu truy tố bị cáo L về tội danh này thì cần phải truy tố thêm các Công chứng viên do phải có sự giúp sức của họ thì bị cáo mới thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lấy lời khai của bị cáo trước khi có quyết định phân công cán bộ xác minh nguồn tin là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do vậy, một số lời khai mâu thuẫn chưa được làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

** Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:* Không đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Bởi vì, bà H giao dịch chuyển nhượng đất là dao dịch với Công ty, không phải là giao dịch với cá nhân Nguyễn Thành L, hợp đồng đã được công chứng, phía Công ty đã thu tiền, có hóa đơn thu tiền hợp pháp, nên hợp đồng này là hợp pháp; bà H không phải là người bị hại trong vụ án mà chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hợp đồng giữa Công ty với ông T2 là vô hiệu vì tại thời điểm ký hợp đồng, phía Công ty không có quyền bán đất, hợp đồng chỉ phía Công ty ký còn ông T2 không ký. Nếu hợp đồng giữa bị cáo với bà H không hợp pháp thì số tiền bị cáo lấy của bà H đã chuyển cho ông T2 450.000.000 đồng, đây là tang vật vụ án cần phải thu về để trả lại cho bà H2.

Vì vậy, Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H2 để sửa bản án sơ thẩm, giao lô đất số 09 cho bà H2 sử dụng.

Quan điểm của bị đơn dân sự - Công ty Cổ phần Thoát nước và Vệ sinh – ông Nguyễn Bá C (Chủ tịch Hội đồng quản trị) là người đại diện hợp pháp: Hiện lô đất đang có tranh chấp vẫn thuộc quyền sử dụng của Công ty và Công ty sẽ tổ chức bán đấu giá, lấy tiền về để thanh toán cho những người bị hại. Về trách nhiệm dân sự, ông C cho rằng Công ty Cổ phần Thoát nước và Vệ sinh cũng có lỗi để xảy ra sự việc này, Công ty sẽ có trách nhiệm cùng bị cáo giải quyết các vấn đề dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[2] Công ty Cổ phần Thoát nước và vệ sinh được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại tại số 27 (nay là số 81) đường Thiên L, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Theo quy định, công ty không được phép bán nền đất chưa xây dựng, công ty phải đầu tư xây dựng phần móng và xây thô 85 căn hộ nhà ở theo đúng

mẫu thiết kế đã được phê duyệt mới được bán ra thị trường. Công ty yêu cầu khách hàng mua nhà ở ký Hợp đồng góp vốn và nộp tiền góp vốn từ 75% - 95% giá trị lô đất, sau khi hoàn thành cơ bản cơ sở hạ tầng của dự án, Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người góp vốn để tự xây dựng nhà theo mẫu thiết kế đã được phê duyệt. Sau khi xây dựng xong, người góp vốn cung cấp hóa đơn và làm thủ tục tách, cấp và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ dân.

[3] Trong khoảng thời gian từ năm 2008 - 2011, ông Nguyễn Cao T3 làm giám đốc Công ty. Ngày 08/10/2009, ông Nguyễn Cao T3 với tư cách là Giám đốc công ty Thoát nước đã ký hợp đồng góp vốn số 01/09/01/HĐ-HP với ông Nguyễn Bá C2 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C2 tại lô đất số 17 lô No 05. Ngày 04/3/2010, ông C2 đã nộp đủ 95% giá trị hợp đồng vào Công ty (việc nộp tiền có phiếu thu). Theo biên bản xác minh tại Công ty thể hiện số tiền ông C2 nộp đã được nhập vào sổ quỹ thu chi Công ty và số tiền này được Công ty sử dụng để đầu tư và thực hiện tiền thuế trước bạ. Ông C2 đã thực hiện đầy đủ nội dung theo Hợp đồng. Công ty đã bàn giao mặt bằng đất cho ông C2 và gia đình ông C2 đã tự bỏ tiền xây dựng nhà và sinh sống tại căn nhà này từ đầu năm 2011 đến nay.

[4] Tháng 4/2010, Nguyễn Thành L với tư cách là Phó Giám đốc Công ty có đề nghị ông Nguyễn Cao T3 ký hợp đồng góp vốn số 02/07/10/HĐ-TP với ông Đỗ Quang T2. Ông T2 đã thanh toán cho L số tiền 1.763.500.000 đồng, L đã nộp quỹ Công ty số tiền 630.000.000. (T3 giao cho L để chuyển hợp đồng cho ông Thụy ký) về việc đầu tư xây dựng nhà trên lô đất số 09 lô No 04. Ông T2 đã nhận bàn giao và quản lý lô đất này từ năm 2010 đến nay.

[5] Từ tháng 7/2011 đến cuối năm 2014, Nguyễn Thành L được bổ nhiệm làm giám đốc công ty. Mặc dù biết thửa đất số 17 lô No 05 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Bá C2 và thửa đất số 09 lô No 04 thuộc quyền quản lý, sử dung của ông Đỗ Quang T2, nhưng Nguyễn Thành L đã dùng thủ đoạn gian dối, che giấu nguồn gốc thửa đất để ký các hợp đồng góp vốn, mua bán nhà nhằm chuyển nhượng cho các bị hại, gồm bà Hoàng Thị H2, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Kiên C1, vợ chồng ông Lương Hữu N để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Trong đó có những khoản bị cáo vay tiền trước, nhưng do không có tiền để thanh toán bị cáo đã hợp thức bằng cách ký hợp đồng góp vốn, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất đã có chủ sử dụng hợp pháp, như của bà Hoàng Thị H2 400.000.000Đ, ông Nguyễn Kiên C1 400.000.000đ; có những khoản bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để người bị hại tin tưởng ký hợp đồng góp vốn, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, như bà Hoàng Thị H2 200.000.000đ, ông Lương Hữu N 800.000.000đ và bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.700.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, đến cuối năm 2014, do áp lực trả nợ, bị cáo đã chuyển vào Vũng Tàu sinh sống để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các bị hại. Hành vi đó

của bị cáo Nguyễn Thành L đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt trong cả 02 tội đều trên 500 triệu đồng, nên cấp sơ thẩm xét xử quy kết bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căc cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử sơ thẩm lại là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Từ phân tích trên thì cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về hai tội là có căn cứ; khi xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã đánh giá đúng tính chất rất nghiêm trọng của vụ án và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như xem xét đến nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, không cao; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo chấp nhận mức hình phạt này và không có ý kiến gì. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tuy bị cáo chiếm đoạt số tiền trên 2,7 tỷ đồng, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại, một số người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 16 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm tài liệu thể hiện bố bị cáo là ông Nguyễn Bá C là người có công được tặng thưởng nhiều huân chương, ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Bá T4 là liệt sỹ được chính quyền địa phương xác nhận, đây là những tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo, nên cần áp dụng cho bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt về tội lừa đảo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị Ngọc H về việc đề nghị giao thửa đất số 09N04 khu nhà ở số 81 Thiên L cho bà, Hội đồng xét xử thấy: Tháng 4/2010 ông Nguyễn Cao T3 ký hợp đồng góp vốn số 02/07/10/HĐ-TP với ông Đỗ Quang T2. Trước khi đề nghị ông T3 ký hợp đồng với ông T2, bị cáo L đã nhận của ông T2 số tiền 1.763.500.000 đồng, L đã nộp quỹ Công ty số tiền 630.000.000. Ông T3 đã ký và đóng dấu hợp đồng góp vốn và chuyển cho ông T2 ký, tuy nhiên, do tin tưởng L nên ông T2 chưa ký vào bản hợp đồng nhưng đã nhận bàn giao và quản lý thửa đất này. Ông T3 đã khẳng định việc có ký hợp đồng với ông T2 và xác nhận người đầu tiên mua lô đất số 09 No 04 là ông Đỗ Quang T2. Ngày 18/7/2010, bị cáo L có đem số tiền 630.000.000 đồng để nộp vào quỹ Công ty và có giải thích là tiền góp vốn của ông Đỗ Quang T2. Đồng thời, theo Biên bản xác minh tại Công ty Cổ phần thoát nước và vệ sinh; ông C (chủ tịch Hội đồng quản trị) đã khẳng định Công ty thoát nước và vệ sinh đã hoàn thành việc thu tiền góp vốn của người mua nhà từ năm 2010 (tổng cộng 85 hộ gia đình), số tiền này được nộp ngân sách Nhà nước và thực hiện các thủ tục để chuyển quyền sử dụng đất. Những người ký hợp đồng góp vốn sau năm 2010 đều không được nộp vào quỹ Công ty. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Bá C đã khẳng định

thửa đất này thuộc quyền sử dụng của Công ty, bị cáo L không có quyền bán và ông T2 là người đầu tiên ký hợp đồng với Công ty để góp vốn để có quyền quản lý, sử dụng lô đất trên. Như vậy, có thể xác định ông T2 là người đầu tiên ký hợp đồng góp vốn đối với lô đất số 09 No 04, ông T2 có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với lô đất này. Mặc dù, đến tháng 6/2013, bị cáo L có thỏa thuận với ông T để mua lại lô đất 09 No 04 của ông T2 với giá 1.935.000.000 đồng, L có đặt cọc 50.000.000 đồng và cam kết sẽ trả hết số tiền còn lại trước ngày 21/8/2013, nếu bị cáo không trả được thì thửa đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng của ông T2. Tuy nhiên, L chỉ trả được cho ông T2 450.000.000 đồng, bị cáo không thực hiện đúng cam kết trả tiền như đã thỏa thuận nên lô đất số 09 No 04 vẫn do ông T2 quản lý và sử dụng. Việc bà H ký hợp đồng với Nguyễn Thành L với tư cách cá nhân vì lúc này lô đất số 09N04 đã thuộc quyền sử dụng của ông T2, bị cáo không có quyền định đoạt đối với thửa đất này, nên hợp đồng giữa bị cáo với bà H là hợp đồng vô hiệu. Hơn nữa, số tiền bà H nộp cho L, bị cáo không nộp về Công ty để hạch toán theo quy định mà tự ý chiếm đoạt để sử dụng cho cá nhân, nên cấp sơ thẩm đã không xem xét đến việc giao lô đất 09 N04 cho bà H, đồng thời buộc Công ty phải có trách nhiệm bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà H là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà H, cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H không có căn cứ để chấp nhận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H là có căn cứ.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận và bà H thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên bị cáo và bà H không phải nộp án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị Ngọc H; sửa Bản án sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; điểm b (áp dụng đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"), s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thành L: 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là : 27 (hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2018**.**

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584, 589; 597 Bộ luật dân sự, xử:

- Buộc Công ty Cổ phần Thoát nước và Vệ sinh phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty Cổ phần Thoát nước và Vệ sinh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành L và bị hại Nguyễn Thị Ngọc H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại Tạm giam thành phố Hải Phòng;
- Toà án thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm